

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 12 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần Lệ Ninh
Năm báo cáo: 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Lệ Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3100114609
- Vốn điều lệ: 82.300.670.000đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 82.300.670.000đ
- Địa chỉ: TDP 2C – Thị trấn Nông trường Lệ Ninh – Huyện Lệ Thủy - Tỉnh Quảng Bình
- Số điện thoại: 0232.3996.580
- Số fax: 0232.3996.211
- Website: www.leninh.vn
- Mã cổ phiếu: LNC

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Lệ Ninh tiền thân là Nông trường Quốc doanh Lệ Ninh được thành lập ngày 24/12/1960 trên cơ sở hợp nhất 36 tập đoàn sản xuất Miền Nam với mục đích chủ yếu là trồng, sản xuất cây cao su, hồ tiêu, một số loại cây ngắn ngày và chăn nuôi gia súc.

Ngày 10/4/1998, UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định số: 06/1998/QĐ-UBND thành lập Công ty cao su Lệ Ninh trên cơ sở Nông trường Lệ Ninh với chức năng nhiệm vụ chính: Tổ chức sản xuất, kinh doanh cao su, cung cấp giống, kỹ thuật, trồng mới, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm mủ cao su, tổ chức thực hiện các dự án nông, lâm nghiệp theo hướng kinh doanh tổng hợp, khai thác tiềm năng đất đai và lao động do Công ty quản lý theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt. Ngày 21/12/2004, UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định số: 91/2004/QĐ-UBND đổi tên Công ty cao su Lệ Ninh thành Công ty Lệ Ninh để phù hợp với quy mô sản xuất và đa dạng hóa ngành nghề.

Ngày 29/6/2010, UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định số: 1471a/QĐ-UBND, về việc chuyển Công ty Lệ Ninh thành Công ty TNHH một thành viên Lệ Ninh - Quảng Bình do UBND tỉnh làm chủ sở hữu 100% vốn Nhà nước. Kể từ ngày 01/7/2010, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Ngày 28/12/2015 UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt Quyết định số 3788/QĐ – UBND, về việc thực hiện cổ phần hoá công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước;

Ngày 21/4/2017 UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt Quyết định số 1329/QĐ – UBND, về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình thành Công ty cổ phần. ;

Ngày 21/9/2017, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua Điều lệ Công ty, Phương án phát triển 5 năm sau cổ phần hóa,....;

Ngày 01/10/2017, Công ty chính thức hoạt động với tên mới: Công ty cổ phần Lệ Ninh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty công ty cổ phần số 3100114609 do sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề sản xuất chính: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến mù cao su; Cưa xẻ gỗ cao su; Cưa xẻ và chế biến gỗ cao su, gỗ thông và gỗ rừng trồng; Trồng cây dược liệu; Chế biến tinh dầu sả

- Địa bàn kinh doanh: Sản phẩm của Công ty chỉ mới tiêu thụ tại thị trường trong nước. Công ty chưa thực hiện xuất khẩu ra thị trường các nước khác

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

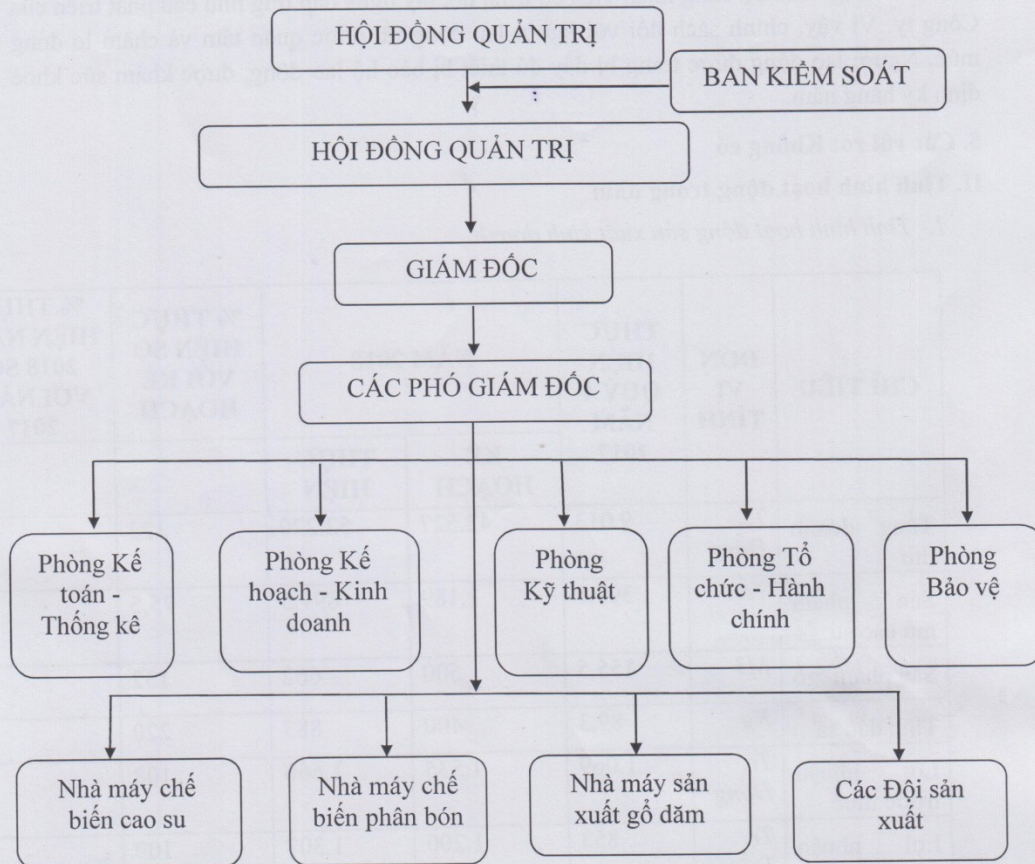
- Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ do luật pháp, điều lệ công ty quy định.

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị có 5 thành viên. Hội đồng quản trị bầu một thành viên làm Chủ tịch.

- Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có 3 thành viên. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, thu lợi nhuận; tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước; đảm bảo sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, thường xuyên và ổn định

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Với phương châm còn người là tài sản lớn nhất, ban điều hành Công ty luôn chú trọng đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên, nỗ lực cải tiến chính sách nhằm thu hút đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ, tay nghề đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Vì vậy, chính sách đối với người lao động rất được quan tâm và chăm lo đúng mức. Người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, được khám sức khoẻ định kỳ hàng năm.

5. Các rủi ro: Không có

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN QUÝ 4 NĂM 2017	NĂM 2018		% THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH	% THỰC HIỆN NĂM 2018 SO VỚI NĂM 2017
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		
Tổng doanh thu	Tr. Đồng	9.013	42.527	52.220	122	
Sản phẩm mũ cao su	Tấn	309,8	1.189	897,5	75,5	
Sản phẩm gỗ	M3	155,5	500	662	132	
Tinh dầu sả	Kg	89,3	400	883	220	
Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	1.069	1.535	1.666	108	
Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	853	1.200	1.307	109	

Ghi chú: Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2017 kỳ kế toán không đồng nhất nên Công ty không tính toán chỉ tiêu % thực hiện so với năm trước

a. Về kinh doanh

- Trong năm 2018 giá cả mặt hàng cao su giảm mạnh làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thị trường tiêu thụ mặt hàng gỗ cao su chậm. Tuy nhiên với truyền thống đoàn kết gắn bó của Công ty, cán bộ công nhân viên đã phấn đấu đạt được những chỉ tiêu chính như sau:

+ Tổng doanh thu 52.220 triệu đồng đạt 122% so với kế hoạch

+ Lợi nhuận trước thuế 1.666 triệu đồng đạt 108% so với kế hoạch

Mặc dù gặp không ít khó khăn về giá, hàng hoá của Công ty chủ yếu tiêu thụ trong nước nhưng với sự lãnh chỉ đạo sâu sát của các đồng chí trong hội đồng quản trị.

Trong năm 2018 công ty được đền bù đường dây 220KV Đồng Hới – Đông Hà nên làm cho lợi tổng doanh thu của công ty đạt và vượt so với kế hoạch đề ra dẫn đến lợi nhuận của công ty đạt và vượt so với kế hoạch đề ra.

b. Về sản xuất:

- Những tháng cuối năm 2018 công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất dăm gỗ, với máy móc thiết bị hiện đại. Sản phẩm dăm được bán cho khách hàng Nhật bản dự kiến đây là mặt hàng tiềm năng tạo ra doanh thu và lợi nhuận lớn cho Công ty trong năm 2019. Trong năm 2018 công ty đã tiến hành thanh lý tài sản Tại Xí nghiệp chăn nuôi lợn do chăn nuôi không hiệu quả, thua lỗ kéo dài

2. Tổ chức và nhân sự

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Ngọc Sơn	15/3/1960	TDP 2A – TT Lệ Ninh – Lệ Thủy - Quảng Bình	Chủ tịch HĐQT	15.800	0,19%
2	Lê Thanh Hùng	6/8/1983	Xuân Thủy – Lệ Thủy – Quảng Bình	Giám đốc	6.900	0,08%
3	Hoàng Thị Phương	04/6/1966	TDP Liên Cơ – TT Lệ Ninh – Lệ Thủy - Quảng Bình	Kế toán trưởng	10.800	0,13%
5	Trần Công Văn	2/10/1967	Sơn Thủy – Lệ Thủy – Quảng Bình	Phó Giám đốc	9.200	0,11%
6	Nguyễn Mậu Hào	10/9/1970	TDP 2A – TT Lệ Ninh – Lệ Thủy - Quảng Bình	Phó Giám đốc	12.300	0,15%

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 522 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Lắp đặt dây chuyền sản xuất gỗ dăm, đầu tư máy móc thiết bị nhà xưởng phục vụ sản xuất gỗ dăm khoảng 12 tỷ

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Từ ngày 01/10/2017 đến 31/12/2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	182.305.772.073	201.801.940.223	
Doanh thu thuần	9.013.699.676	45.447.239.436	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	770.225.027	(2.403.497.221)	
Lợi nhuận khác	298.945.059	4.070.432.947	
Lợi nhuận trước thuế	1.069.170.086	1.666.935.726	
Lợi nhuận sau thuế	853.600.392	1.307.690.137	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Từ ngày 01/10/2017 đến 31/12/2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,66lần	0,57lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,29lần	0,38lần	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	53,98%	57,56%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	119%	139%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			

+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0,73 vòng	4,76 vòng	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,05 vòng	0,23 vòng	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,47%	2,88%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1%	1,57%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,47%	0,68%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	8,4	-	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.230.067 cổ phần, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: Tất cả các cổ phần đang lưu hành là cổ phần phổ thông. Trong tổng số 8.230.067 cổ phần có 8.118.767 cổ phần tự do chuyển nhượng còn 111.300 cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng quy định tại điều lệ của công ty.

b) Cơ cấu cổ đông(tính đến ngày 31/3/2019)

Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu(cổ đông lớn; cổ đông nhỏ):

LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
- Cổ đông lớn(Tỷ lệ sở hữu \geq 5%)	1	7.468.367	90,74
- Cổ đông nhỏ	552	761.700	9,26
TỔNG CỘNG	553	8.230.067	100

Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
- Cổ đông tổ chức – trong nước	2	7.515.667	91,32
- Cổ đông tổ chức – nước ngoài	0	0	0
- Cổ đông cá nhân – trong nước	551	714.400	8,68

- Cổ đông cá nhân – nước ngoài	0	0	0
TỔNG CỘNG	553	8.230.067	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm công ty không phát hành cổ phiếu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không phát hành

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

+ Khối lượng các nguyên liệu, vật tư phân bón dùng để đầu tư sản xuất cho sản phẩm mù cao su là: 4.249 tấn

+ Khối lượng các nguyên liệu, vật tư phân bón dùng để đầu tư sản xuất cho sản phẩm phân bón là: 1.008 tấn

+ Khối lượng các nguyên liệu dùng cho sản xuất cho sản phẩm gỗ phôi là: 3.097 ster

+ Khối lượng cây giống cao su dùng để trồng mới trong năm là: 32.302 cây

+ Nguyên liệu dùng để chăn nuôi lợn: 798 tấn

+ Nguyên liệu dùng để trồng và chế biến sả: 344 tấn

+ Nguyên liệu dùng để sản xuất dăm gỗ: 1.665 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Tiêu thụ điện: Tiêu thụ điện toàn công ty trong năm 2018 là 287,96KW tương đương 571,88 triệu đồng

- Dầu Diezen: 29.774 lít tương đương 484,3 triệu đồng

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Tổng lượng nước tiêu thụ trong năm 2018 là: 15.651m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số người lao động: 522 lao động
- Mức lương bình quân năm 2018: 3.422.000đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên toàn công ty
- Chính sách khen thưởng bình bầu lao động xuất sắc hàng tháng cho công nhân: 50.000đ/tháng
- Thường xuyên duy trì chế độ thăm hỏi ốm đau hiếu hỷ cho người lao động trong năm 2018 với số tiền 327 triệu đồng

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Hàng năm công ty mở các lớp đào tạo tay nghề cho cán bộ công nhân viên: 02 lớp/năm. Số lượng học viên mỗi lớp 40 lao động, Do trợ giáo nội bộ công ty trực tiếp giảng dạy

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Đóng góp công tác xã hội năm 2018: 56,4 triệu đồng

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều áp lực của nền kinh tế thị trường trong nước và quốc tế. Giá mặt hàng cao su giảm mạnh, thời tiết khô hạn kéo dài, mặt khác hậu quả của cơn bão số 10 năm 2017 vẫn còn để lại rất nặng nề làm cho sản phẩm chính mủ cao su của Công ty chỉ đạt 75,5% so với kế hoạch đề ra. Mặc dù Ban giám đốc đã có những biện pháp chỉ đạo sát sao về quy trình kỹ thuật khai thác.

Tuy nhiên do trong năm 2018 Công ty đã nhận được tiền đền bù đường dây 220KV Đồng Hới – Đông Hà đi ngang qua vườn cây cao su kinh doanh của Công ty nên làm cho tổng doanh thu của công ty đạt 52.220 triệu đồng. Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 1.666 triệu đồng.

Những ngày cuối năm Công ty đã mở thêm mặt hàng gỗ dăm mới, sản phẩm gỗ dăm được tiêu thụ cho bạn hàng Nhật Bản đó là Công ty TNHH SX nguyên liệu giấy Việt Nhật Vững Áng. Đây là mặt hàng tiềm năng mở ra cơ hội phát triển cho công ty.

Các sản phẩm khác như gỗ phôi, tinh dầu sả được tiêu thụ tại thị trường trong nước rất ổn định sản phẩm gỗ và tinh dầu sả được làm theo đơn đặt hàng của khách hàng .

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản đầu kỳ 182,3 tỷ đồng, cuối kỳ là 201,8 tỷ đồng tăng 10,7%. Tỷ lệ doanh thu thuần trên tổng tài sản năm 2018 là 22,5%

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ phải trả của công ty đến 31/12/2018 là 116,1 tỷ đồng nợ chủ yếu vay để đầu tư trồng mới và chăm sóc 720 ha cao du kiêr thiết cơ bản. Diễn biến nợ bình thường không có nợ phải trả quá hạn, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn 0,58 lần

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Dự báo tình hình

- Thuận lợi: Các sản phẩm của công ty đã tạo được uy tín trên thị trường trong nước, sản phẩm làm ra được tiêu thụ hết không để ứ đọng hàng. Giá mặt hàng cao su đang có chiều hướng tăng dần. Thị trường gỗ dăm được tiêu thụ cho đối tác Nhật bản rất có uy tín

- Khó khăn: Dự báo thời tiết khô hạn vẫn còn kéo dài trong năm 2019; Hậu quả cơn bão số 10 năm 2017 vẫn chưa thể khôi phục hoàn toàn.

b. Định hướng phát triển

Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh; xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển ổn định, vững mạnh.

- **Về sản phẩm:** Phát triển đa dạng hóa sản phẩm. Ưu tiên cho việc phát triển các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần và sản phẩm có tính công nghệ, kỹ thuật cao. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm mà Công ty có tiềm năng và lợi thế.

- **Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết phát triển sản xuất kinh doanh.

- **Về khoa học công nghệ:** Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.

- **Về đầu tư:** Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được các phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- **Về tài chính:** Quản lý chặt chẽ các chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu

quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

- **Về nguồn nhân lực:** Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ.

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Thực hiện tốt những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo nguyên tắc của Công ty là sản xuất hài hoà với môi trường và xã hội cụ thể:

- Thực hiện bảo trì bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường
- Xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp tại cơ quan.
- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, vận động CBCNV tham gia bảo vệ môi trường cùng doanh nghiệp

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Với phương châm “con người là tài sản lớn nhất của Công ty” nên ban lãnh đạo luôn coi trọng công tác chăm lo về vật chất và tinh thần cho người lao động, tạo cho họ sự yên tâm để gắn bó lâu dài với Công ty. Hai đoàn thể là Công đoàn và Đoàn thanh niên luôn được tạo điều kiện thuận lợi và ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Công ty tổ chức đối thoại định kỳ giữa người lao động và người sử dụng lao động mỗi quý/lần. Thoả ước lao động tập thể được ký kết tại Hội nghị người lao động được tổ chức hàng năm.

Công tác an toàn vệ sinh lao động luôn được Công ty quan tâm thông qua các hoạt động cụ thể: Khám sức khoẻ định kỳ, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho cán bộ công nhân viên

- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương. Hàng năm Công ty vận động người lao động cùng với doanh nghiệp đóng góp các quỹ từ thiện xã hội

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Công ty đảm bảo sản xuất tăng trưởng bền vững mặc dù tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn tác động, bảo toàn và phát triển vốn. Lợi nhuận đạt và vượt mức kế hoạch, tăng thu nhập cho người lao động.
- Thực hiện tốt các quy định về chế độ kế toán tài chính của Nhà nước
- Trong năm Ban điều hành đã đảm bảo đủ việc làm cho người lao động. Thực hiện tiết kiệm tương đối hiệu quả, giải quyết chế độ chính sách cho người lao động đúng với chế độ chính sách của nhà nước, quy định của công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Cùng với hội đồng quản trị Ban giám đốc đã có những chỉ đạo kịp thời trong việc tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như các biện pháp ứng phó với những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng.

- Ban giám đốc chỉ đạo và giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy trình kỹ thuật, nội quy quy chế của công ty và quy định của pháp luật. :

- Phối hợp với các tổ chức Đảng đoàn thể nhằm nâng cao hiệu quả điều hành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Chấp hành đầy đủ nghiêm túc các quy định của pháp luật của các cơ quan nhà nước về chế độ báo cáo tài chính, hợp đồng giao dịch thương mại, hợp đồng lao động cũng như quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục sắp xếp, hoàn thiện quy trình quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, tăng chất lượng sản phẩm cũng như năng suất lao động.

- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến máy móc thiết bị, cơ sở hạ tầng, nhà xưởng. Đổi mới công nghệ, dây chuyền sản xuất, nâng cao năng suất và sản lượng sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường đặc biệt là để hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu mà nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua

V. Báo cáo tài chính

(Xem Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán đính kèm)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Nguyễn Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Lệ Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lệ Ninh tiền thân là công ty TNHH do Nhà nước sở hữu 100% vốn được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định 3778/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 số 3100114609 ngày 01/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

Trụ sở chính: Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp chăn nuôi lợn;
- Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi;
- Nhà máy chế biến phân bón.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh chính

- Trồng cây cao su (Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán và dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật – dự toán, giám sát thi công công trình trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Chi tiết: Sản xuất chế biến phân bón hữu cơ sinh học);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Chi tiết: Sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi, lương thực);
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (Chi tiết: Cưa xẻ và chế biến gỗ cao su, gỗ thông và cây rừng trồng);
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mù cao su;
- Chăn nuôi lợn siêu nạc và cung cấp con giống trên địa bàn;

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Mậu Hào	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên
Ông Trần Công Văn	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Ông Lê Thanh Hùng	Giám đốc
Ông Trần Công Văn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Hào	Phó Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Ông Lê Hồng Sơn	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên
Bà Võ Thị Thắm	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Hoàng Thị Phương

Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Ngọc Sơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2019



Số 0305/2019/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
của Công ty Cổ phần Lệ Ninh

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lệ Ninh, được trình bày từ trang 6 đến trang 25 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

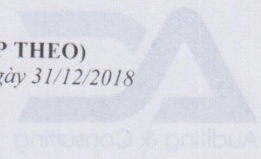
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)
*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
của Công ty Cổ phần Lệ Ninh*



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán, tuy nhiên còn chứa đựng ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán để đánh giá ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lệ Ninh tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Ngày 04/06/2018 và 02/10/2018 UBCKNN lần lượt có công văn số 3509/UBCK-GSDC và công văn 6774/UBCK-GSDC chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty, đồng thời yêu cầu Công ty đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống sàn giao dịch UpCom. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa hoàn thành xong các thủ tục cần thiết để niêm yết trên sàn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành tại Điều a, Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán.



Nguyễn Bá An
Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1645-2018-202-1
Thay mặt và đại diện cho

Nguyễn Tiến Dũng
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2554-2018-202-1

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN QUỐC TẾ (AC)

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2018

MẪU B 01-DN
DVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.563.530.386	20.213.120.736
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.805.187.183	4.748.720.892
1. Tiền	111	V.1	1.333.525.683	745.573.392
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.471.661.500	4.003.147.500
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.082.422.936	4.288.177.209
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	3.481.433.527	2.192.216.703
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.598.477.960	723.540.664
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	1.105.605.958	1.372.419.842
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(103.094.509)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	6.675.920.267	11.157.762.197
1. Hàng tồn kho	141		6.675.920.267	11.157.762.197
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	18.460.438
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.10b	-	18.460.438
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		181.238.409.837	162.092.651.337
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		191.289.351	191.178.298
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		191.289.351	191.178.298
II. Tài sản cố định	220		44.118.689.824	52.618.642.136
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	43.604.065.021	52.083.432.341
- Nguyên giá	222		112.867.113.380	136.918.271.920
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.263.048.359)	(84.834.839.579)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	514.624.803	535.209.795
- Nguyên giá	228		983.481.771	983.481.771
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(468.856.968)	(448.271.976)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	136.178.968.180	107.603.625.411
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		136.178.968.180	107.603.625.411
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		749.462.482	1.679.205.492
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	749.462.482	1.679.205.492
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		201.801.940.223	182.305.772.073

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2018

MẪU B 01-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		116.169.418.927	98.417.502.869
I. Nợ ngắn hạn	310		36.136.926.927	30.700.010.869
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9a	8.053.465.704	5.170.224.314
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		189.168.278	3.635.428.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10a	417.704.376	210.253.461
4. Phải trả người lao động	314		5.715.401.039	3.862.214.815
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11a	-	6.367.804
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	3.707.200.657	3.503.998.918
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	17.847.257.628	13.880.996.653
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		206.729.245	430.526.904
II. Nợ dài hạn	330		80.032.492.000	67.717.492.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	8.100.000	8.100.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	80.024.392.000	67.709.392.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		85.632.521.296	83.888.269.204
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	83.651.040.137	82.608.491.074
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.300.670.000	82.300.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.300.670.000	82.300.670.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.680.000	42.680.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.307.690.137	265.141.074
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	265.141.074
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.307.690.137	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.981.481.159	1.279.778.130
1. Nguồn kinh phí	431		768.032.700	1.279.778.130
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		1.213.448.459	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		201.801.940.223	182.305.772.073



Nguyễn Ngọc Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Quảng Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Hoàng Thị Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU B 02-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1a	45.447.239.436	9.013.699.676
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		45.447.239.436	9.013.699.676
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	42.432.594.175	7.170.132.444
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.014.645.261	1.843.567.232
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	295.935.743	51.798.479
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	945.694.924	121.685.829
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		945.694.924	121.685.829
8. Chi phí bán hàng	25		395.051.844	101.933.999
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.373.331.457	901.520.856
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.403.497.221)	770.225.027
11. Thu nhập khác	31	VI.5	6.477.654.426	328.330.595
12. Chi phí khác	32	VI.6	2.407.221.479	29.385.536
13. Lợi nhuận khác	40		4.070.432.947	298.945.059
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.666.935.726	1.069.170.086
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	359.245.589	215.569.694
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.307.690.137	853.600.392
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		159	104
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		159	104



Nguyễn Ngọc Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Quảng Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Hoàng Thị Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
 Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
 Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính
 kết thúc tại ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU B 03-DN
 ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		40.222.468.396	10.579.841.577
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(29.587.527.453)	(9.520.179.232)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(22.165.294.091)	(6.016.743.577)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(945.694.924)	(396.716.425)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(414.796.777)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		14.345.570.225	2.876.360.220
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(12.839.638.524)	(5.357.944.047)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.384.913.148)	(7.835.381.484)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.135.706.226)	(1.536.301.949)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(153.110.602)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		152.999.549	46.100.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		295.935.743	43.810.332
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.839.881.536)	(1.446.391.617)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		34.933.062.605	10.195.130.060
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.651.801.630)	(5.407.294.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.281.260.975	4.787.835.711
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		56.466.291	(4.493.937.390)
Hiện và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.748.720.892	9.242.658.282
Hiện và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.805.187.183	4.748.720.892



Nguyễn Ngọc Sơn
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Quảng Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Hoàng Thị Phương
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Lệ Ninh tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước sở hữu 100% vốn được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định 3778/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 số 3100114609 ngày 01/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

Trụ sở chính: Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp chăn nuôi lợn;
- Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi (Từ ngày 01/04/2016 sáp nhập vào xí nghiệp chăn nuôi lợn);
- Nhà máy chế biến phân bón.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su (Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán và dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật – dự toán, giám sát thi công công trình trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su);
- Khách sạn;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Chi tiết: Sản xuất chế biến phân bón hữu cơ sinh học);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Chi tiết: Sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi, lương thực);
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (Chi tiết: Cưa xẻ và chế biến gỗ cao su, gỗ thông và cây rừng trồng);
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mù cao su;
- Chăn nuôi lợn siêu nạc và cung cấp con giống trên địa bàn;
- Sản xuất và tiêu thụ nước lọc tinh khiết, nước đá sạch;
- Cho thuê phòng làm việc, nhà nghỉ;
- Chế biến thịt gia súc đông lạnh và dịch vụ vận tải;
- Khai thác và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán các mặt hàng nông sản, công nghệ phẩm.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này sử dụng đơn vị tiền tệ Việt Nam Đồng (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2018
MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự, cụ thể:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2018
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc	4 – 15 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là toàn bộ chi phí phát sinh trong việc trồng mới các vườn cao su chưa đủ điều kiện đưa vào khai thác

Các khoản chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2018
MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được hạch toán là chi phí hoạt động trong năm phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa khi khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản. Chi phí đi vay phát sinh sẽ được vốn hóa vào nguyên giá tài sản hình thành. Chi phí đi vay sẽ được tạm dừng vốn hóa khi quá trình đầu tư, xây dựng tài sản bị gián đoạn không cần thiết. Việc vốn hóa sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - + Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Tiền mặt	273.922.506	54.947.323
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.059.603.177	690.626.069
Cộng	<u>1.333.525.683</u>	<u>745.573.392</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
 Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
 Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính
 kết thúc tại ngày 31/12/2018
MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Phải thu khách hàng

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn :	3.481.433.527	2.192.216.703
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ chế biến gỗ Nhật Quang	1.091.262.577	1.629.018.023
- Doanh nghiệp cao su Thanh Long	313.750.000	313.750.000
- Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý	92.773.440	92.773.440
- Công ty sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật	905.475.001	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.078.172.509	156.675.240
b. Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>3.481.433.527</u>	<u>2.192.216.703</u>

3. Phải thu khác

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.105.605.958	-	1.372.419.842	-
- Phải thu tạm ứng người lao động	162.498.500	-	456.858.860	-
- Ký cược, ký quỹ	6.060.010	-	6.060.010	-
- Phải thu khác	937.047.448	-	909.500.972	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	<u>1.105.605.958</u>	<u>-</u>	<u>1.372.419.842</u>	<u>-</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	627.838.333	-	954.326.738	-
Công cụ, dụng cụ	548.324.210	-	367.775.301	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	151.623.138	-	1.733.095.055	-
Thành phẩm	5.348.134.586	-	8.102.565.103	-
Cộng	<u>6.675.920.267</u>	<u>-</u>	<u>11.157.762.197</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LÊ NINH
 Tổ dân phố 2C, thị trấn Lê Ninh,
 Huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính
 kết thúc tại ngày 31/12/2018
MAU B-09-DN

5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	TSCD hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2018	61.892.064.388	19.136.906.900	3.764.674.508	529.154.545	51.459.520.779	135.950.800	136.918.271.920
- Mua trong năm	-	1.225.403.300	-	-	-	-	1.225.403.300
- Đầu tư XDCEB hoàn thành	586.336.450	-	-	-	-	-	586.336.450
- Thanh lý, nhượng bán	(15.548.866.697)	(5.388.314.404)	-	-	(4.925.717.189)	-	(25.862.898.290)
Tại ngày 31/12/2018	46.929.534.141	14.973.995.796	3.764.674.508	529.154.545	46.533.803.590	135.950.800	112.867.113.380
GIÁ TRỊ HAO MON LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2018	35.939.418.000	13.399.738.279	2.550.407.701	429.408.821	32.379.915.978	135.950.800	84.834.839.579
- Khấu hao trong năm	2.893.606.349	1.064.692.741	269.456.139	31.032.973	1.287.442.599	-	5.546.230.801
- Thanh lý, nhượng bán	(11.796.947.556)	(5.066.996.898)	-	-	(4.254.077.567)	-	(21.118.022.021)
Tại ngày 31/12/2018	27.036.076.793	9.397.434.122	2.819.863.840	460.441.794	29.413.281.010	135.950.800	69.263.048.359
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2018	25.952.646.388	5.737.168.621	1.214.266.807	99.745.724	19.079.604.801	-	52.083.432.341
Tại ngày 31/12/2018	19.893.457.348	5.576.561.674	944.810.668	68.712.751	17.120.522.580	-	43.604.065.021

Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 15.728.801.315 đồng.

11/01/2019 2... 5/10/11

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2018

MÀU B 09-DN

6. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2018	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
Tại ngày 31/12/2018	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2018				
- Khấu hao trong năm	154.387.441	167.520.900	126.363.635	448.271.976
Tại ngày 31/12/2018	20.584.992	-	-	20.584.992
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2018	535.209.795	-	-	535.209.795
Tại ngày 31/12/2018	514.624.803	-	-	514.624.803

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng đến 31/12/2018 là 293.884.535 đồng.

7. Tài sản dở dang dài hạn

Giá trị tài sản dở dang dài hạn tại ngày 31/12/2018 chủ yếu là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của giá trị vườn cây cao su kiến thiết cơ bản (chiếm khoảng 95%). Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản là các vườn cây cao su đang trong quá trình chăm sóc, chưa đủ điều kiện khai thác.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2018 bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINHTổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2018**MÀU B 09-DN****9. Phải trả người bán**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị trả nợ	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	8.053.465.704	8.053.465.704	5.170.224.314	5.170.224.314
- Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Quảng Bình	2.810.697.700	2.810.697.700	1.502.352.500	1.502.352.500
- Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Ngọc Phương	959.721.924	959.721.924	448.147.275	448.147.275
- Trung tâm nghiên cứu phát triển cao su Tiêu Điện	-	-	646.349.000	646.349.000
- Công ty TNHH MTV Quê Lâm Miền Trung	837.500.000	837.500.000	1.049.600.000	1.049.600.000
- Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị	-	-	157.250.000	157.250.000
- Các khoản phải trả khác	3.445.546.080	3.445.546.080	1.366.525.539	1.366.525.539
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.053.465.704	8.053.465.704	5.170.224.314	5.170.224.314

10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2018		Phải nộp/thu trong năm		Đã thực nộp/thu trong năm		31/12/2018
	Giá trị trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị trả nợ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị trả nợ	Số có khả năng trả nợ	
a. Phải nộp	210.253.461	2.116.617.333	1.909.166.418	417.704.376	18.460.438	18.460.438	-
Thuế GTGT	-	1.223.310.218	1.008.920.089	214.390.129	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	208.908.410	359.245.589	414.796.777	153.357.222	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	595.051	62.525.645	14.253.671	48.867.025	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	271.169.467	271.169.467	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	750.000	11.040.000	10.700.000	1.090.000	-	-	-
Thuế khác	-	189.326.414	189.326.414	-	-	-	-
Cộng	210.253.461	2.116.617.333	1.909.166.418	417.704.376	18.460.438	18.460.438	-
b. Phải thu	18.460.438	-	18.460.438	-	18.460.438	18.460.438	-
Thuế GTGT	18.460.438	-	18.460.438	-	18.460.438	18.460.438	-
Cộng	18.460.438	-	18.460.438	-	18.460.438	18.460.438	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
 huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại
 ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN**11. Chi phí phải trả**

	31/12/2018	01/01/2018
a. Ngắn hạn	-	6.367.804
- Chi phí phải trả khác	-	6.367.804
Cộng	-	6.367.804

12. Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
a. Ngắn hạn	3.707.200.657	3.503.998.918
- Kinh phí công đoàn	223.174.562	19.841.495
- Bảo hiểm xã hội	-	4.170.932
- Bảo hiểm y tế	-	12.271.753
- Phải trả tài sản chờ thanh lý khi cổ phần hóa cho công ty mua bán nợ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.501.498.992	1.265.719.346
- Các khoản phải trả khác	198.000.000	-
- Dài hạn	1.784.527.103	2.201.995.392
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.100.000	8.100.000
- Các khoản phải trả khác	8.100.000	8.100.000
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÊ NINH
Tổ dân phố 2C, thị trấn Lê Ninh,
Huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình

BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2018
MAU B 09-DN

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (i)	17.847.257.628	17.847.257.628	22.618.062.605	18.651.801.630	13.880.996.653	13.880.996.653
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (ii)	17.847.257.628	17.847.257.628	22.618.062.605	18.651.801.630	13.880.996.653	13.880.996.653
b. Vay dài hạn						
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (ii)	80.024.392.000	80.024.392.000	10.315.000.000	-	67.709.392.000	67.709.392.000
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình	18.549.805.000	18.549.805.000	2.000.000.000	-	16.549.805.000	16.549.805.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình (iii)	459.587.000	459.587.000	-	-	459.587.000	459.587.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình (iii)	60.700.000.000	60.700.000.000	10.000.000.000	-	50.700.000.000	50.700.000.000
- Vay cá nhân (iv)	315.000.000	315.000.000	315.000.000	-	-	-
Cộng	97.871.649.628	97.871.649.628	34.933.062.605	18.651.801.630	81.590.388.653	81.590.388.653

(i) Đây là các khoản vay ngắn hạn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 43/2018/HDDTD ngày 09/03/2018, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HDDTD số 222-3/2018/HDSDBS ngày 21/11/2018 và việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 43/2018/HDDTD ngày 09/03/2018, chi tiết hợp đồng:

- Tổng mức cấp tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 09/03/2018 đến ngày 08/03/2019;
- Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí chăn nuôi, trồng trọt, chế biến, dịch vụ và chi phí khác phục vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh.
- Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng cấp tín dụng là 7%/năm; Lãi suất cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;

(ii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 518/2011/HDDTD ngày 22/12/2011: Hạn mức vay 4,2 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng; Lãi suất theo từng lần nhận nợ.
Hợp đồng tín dụng số 99/2016/HDDTD ngày 01/09/2016 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh Quảng Bình và Công ty TNHH MTV Lê Ninh - Quảng Bình, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 222-1/2018/HDSDBS ngày 21/11/2018 và việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 99/2016/HDDTD ngày 01/09/2016, theo đó:
Số tiền cho vay tối đa: 22.000.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ đồng chẵn);

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2018

MÃU B 09-DN

- Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán các chi phí chăm sóc vườn cây cao su theo dự án Chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản giai đoạn 2016 – 2020 của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình;
- Thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày 01/09/2016 đến hết ngày 01/09/2026;
- Trả nợ gốc: 6 tháng/lần;
- Lãi suất cho vay: Tài thời điểm ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số 222-1/2018/HDSDBS ngày 21/11/2018 là 9,5%/ năm. Lãi suất cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

- (iii) Đây là số dư khoản gốc vay đã được giải ngân theo kế ước nhận nợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình dựa trên hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 05/2014/HDTĐDT-NHPT ngày 22/08/2014, theo đó:
- Tổng mức tín dụng được cấp: 81.602.79 triệu đồng;
 - Mục đích vay vốn: Tiền vay được sử dụng để thực hiện trồng mới và chăm sóc 450ha cao su của Dự án trồng mới và chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Dự án số 541/QĐ/CTLN ngày 28/04/2014 của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình.
 - Lãi suất vay cụ thể căn cứ theo kế ước nhận nợ từng lần;
 - Thời điểm bắt đầu trả lãi, trả nợ gốc: Trả nợ gốc sau 7 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng này, lãi vay trả hàng tháng và được tính bắt đầu kể từ khi phát sinh dư nợ vay.

- (iv) Vay cá nhân là các khoản vay của Người lao động với thời hạn trên 1 năm, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất cho vay của ngân hàng mà Công ty giao dịch.

14. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu****Khoản mục**

Tại ngày 01/01/2018	Vốn góp của Chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Lãi trong giai đoạn	82.300.670.000	42.680.000	-	265.141.074	82.608.491.074
Giảm khác (*)	-	-	-	1.307.690.137 (265.141.074)	1.307.690.137 (265.141.074)
Tại ngày 31/12/2018	82.300.670.000	42.680.000	-	1.307.690.137	83.651.040.137

(*) Giảm khác là khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017, Công ty đang tạm phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

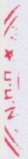
Cho năm tài chính
Kết thúc tại ngày 31/12/2018

MÀU B 09-DN

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2018

	31/12/2018
Vốn Nhà nước	74.683.670.000
Công đoàn Công ty	473.000.000
Cán bộ, công nhân viên	7.134.000.000
Cổ đông khác	10.000.000
Cộng	82.300.670.000
Cổ phiếu	31/12/2018
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	8.230.067
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	8.230.067
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.230.067
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.230.067
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.230.067

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH :

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
a. Doanh thu	45.447.239.436	9.013.699.676
- Doanh thu bán thành phẩm	42.515.259.204	8.936.514.889
- Doanh thu hoạt động khác	2.931.980.232	77.184.787
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
Giá vốn thành phẩm đã bán	40.568.471.546	7.108.734.221
Giá vốn hoạt động khác	1.864.122.629	61.398.223
Cộng	42.432.594.175	7.170.132.444

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	295.935.743	51.798.479
Cộng	295.935.743	51.798.479

4. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
Lãi tiền vay	945.694.924	121.685.829
Cộng	945.694.924	121.685.829

5. Thu nhập khác

	Năm 2018	Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
Thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	-	189.877.019
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	347.331.600
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	157.454.581
Các khoản thu nhập khác	6.477.654.426	138.453.576
Cộng	6.477.654.426	328.330.595

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Chi phí khác

	Giai đoạn từ	
	01/10/2017 đến	
	Năm 2018	31/12/2017
Thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	2.173.499.455	-
- Thu thanh lý tài sản cố định	2.825.852.433	-
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	4.999.351.888	-
Các khoản chi phí khác	233.722.024	29.385.536
Cộng	2.407.221.479	29.385.536

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.666.935.726
- Chi phí không được trừ	129.292.219
- Thu nhập tính thuế	1.796.227.945
- Thuế suất thuế TNDN	20%
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	359.245.589

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ	
	01/10/2017 đến	
	Năm 2018	31/12/2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	43.675.794.463	10.722.948.372
Chi phí nhân công	17.368.530.826	3.774.713.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.477.263.503	1.551.133.539
Chi phí bằng tiền khác	6.354.794.502	2.146.997.162
Cộng	72.876.383.294	18.195.792.075

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Lệ Ninh, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế. Do Công ty Cổ phần Lệ Ninh bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 01/10/2017. Vì vậy, khi lấy thông tin so sánh chúng tôi khuyến nghị người đọc cần có những đánh giá phù hợp để có thể mang lại kết quả so sánh phản ánh chính xác nhất có thể.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho tới thời điểm lập Báo cáo tài chính này được cho là có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

3.**4. Thông tin về việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ**

Công ty Cổ phần Lệ Ninh được chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước, bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/10/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3100114609, thay đổi lần thứ 9 ngày 01/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 của Công ty là 94.570.660.000 đồng. Tuy nhiên, trong năm 2018 căn cứ Công văn số 982/STC-TCDN ngày 03/04/2018 và Công văn số 1258/STC-TCDN ngày 20/04/2018 của

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Sở Tài Chính tỉnh Quảng Bình, UBND tỉnh Quảng Bình đã có công văn số 647/UBND-KT ngày 04/05/2018 về việc đồng ý phê duyệt cho phép Công ty Cổ phần Lệ Ninh giảm vốn điều lệ tại ngày 01/10/2017 theo ý kiến đề xuất của Sở Tài Chính tỉnh Quảng Bình từ 94.570.660.000 đồng xuống còn 82.300.670.000 đồng (công văn được đính kèm theo báo cáo). Theo đó, Công ty đã thực hiện ghi nhận giá trị vốn điều lệ tại ngày 01/10/2017 theo văn bản phê duyệt ngày 04/05/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình nêu trên tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

5. Bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Không có giao dịch với bên liên quan phát sinh trong năm.

Lương, thưởng và thu lao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

Ban Giám đốc

Năm 2018

1.688.540.300 đồng



Nguyễn Ngọc Sơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Hoàng Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên

Người lập